



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012692.25

MSM: VT.25.5875.NM01-02

Tên mẫu : Nước mặt
Tên khách hàng : XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG - KHO CÙ LAO TÀO
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 02/12/2025
Ngày trả kết quả : 13/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 10:2023/ BTNMT	QCVN 08:2023/ BTNMT
				NM01	NM02	Vùng biển ven bờ	Giá trị giới hạn - Mức C (Bảng 2)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	28,6	28,7	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6,92	6,87	6,5 ÷ 8,5	6 ÷ 8,5
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5	4	-	10
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	11	10	-	20
5	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,2	5,4	≥ 5	≥ 4,0
6	CO ₂	mg CaCO ₃ /L	TCVN 6636-1:2000	< 2,00	< 2,00	-	-
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	20	26	50	> 100 và Không có rác nổi
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	QT03-N-EC-TDS	640	680	-	-
9	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500- N.C:2023	< 0,20	< 0,20	-	2
10	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	< 0,040	< 0,040	-	-
11	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,085	0,058	-	0,5
12	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	< 0,00020	0,005	0,005
13	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	< 0,0020	0,05	0,02
14	Crom III (Cr ³⁺)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500- Cr.B:2023	< 0,003	< 0,003	-	-
15	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,020	< 0,020	0,1	0,5
16	Ni	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	< 0,0020	-	0,1
17	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,00030	< 0,00030	0,0005	0,001
18	Fe	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,060	< 0,060	0,5	0,5
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	< 0,0010	< 0,0010	0,03	0,005

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 10:2023/ BTNMT	QCVN 08:2023/ BTNMT
				NM01	NM02	Vùng biển ven bờ	Giá trị giới hạn - Mức C (Bảng 2)
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	< 1,2	< 1,2	5	5
21	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	1,6 x 10 ³	4,7 x 10 ²	1.000	7.500

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NM01: Nước mặt sông Dinh về phía thượng lưu cách cầu cảng 200m, cách bờ 10m (kho Cù Lao Tào)
- NM02: Nước mặt sông Dinh về phía hạ lưu cách cầu cảng 200m, cách bờ 10m (kho Cù Lao Tào)
- QCVN 08:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- QCVN 10:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển;
- (-): Không quy định/ Không phân tích;
- (*): Thông số chưa được chứng nhận Vimcerts. Kết quả mang tính chất tham khảo;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc

Đinh Tấn Thu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vung Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012693.25
MSM: VT.25.5875.NM03

Tên mẫu : Nước mặt
Tên khách hàng : XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG - KHO CÙ LAO TÀO
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 02/12/2025
Ngày trả kết quả : 13/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 10: 2023/ BTNMT	QCVN 08:2023/ BTNMT
				NM03	Vùng biển ven bờ	Giá trị giới hạn - Mức C (Bảng 2)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	28,7	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,12	6,5 ÷ 8,5	6 ÷ 8,5
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	8	-	10
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	13	-	20
5	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,0	≥ 5	≥ 4,0
6	CO ₂	mg CaCO ₃ /L	TCVN 6636-1:2000	< 2,00	-	-
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	23	50	> 100 và Không có rác nổi
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	QT03-N-EC-TDS	676	-	-
9	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023	< 0,20	-	2
10	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	< 0,040	-	-
11	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,092	-	0,5
12	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	0,005	0,005
13	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,05	0,02
14	Crom III (Cr ³⁺)(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,003	-	-
15	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,020	0,1	0,5
16	Ni	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	-	0,1
17	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,00030	0,0005	0,001
18	Fe	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,060	0,5	0,5
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	< 0,0010	0,03	0,005
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	< 1,2	5	5
21	Tổng Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8	1.000	7.500



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NM03: Nước mặt sông Dinh trung lưu (kho Cù Lao Tào)
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- QCVN 10:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển;
- (-): Không quy định/Không phân tích;
- (*): Thông số chưa được chứng nhận Vimcerts. Kết quả mang tính chất tham khảo;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012694.25
MSM: VT.25.5875.XQ01-04

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Tên khách hàng : XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG - KHO CÙ LAO TÀO
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh
Số lượng : 04 mẫu
Ngày lấy mẫu : 02/12/2025
Ngày trả kết quả : 13/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 05:2023/ BTNMT
				XQ01	XQ02	XQ03	XQ04	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	30,4	31,4	31,5	31,0	-
2	Độ ẩm	%		79,0	76,5	74,8	77,2	-
3	Tốc độ gió	m/s		0,8	0,4	0,5	0,4	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,3	65,7	67,7	66,5	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	134	134	121	120	300
6	Chì (Pb)	µg/Nm ³	US EPA Compendium Method IO-3.2	< 0,080	< 0,080	< 0,080	< 0,080	
7	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	94,32	121,37	122,07	109,56	350
8	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	112,42	131,16	126,21	141,22	200
9	CO	µg/Nm ³	HD12-KK-CO	< 3.500	< 3.500	< 3.500	< 3.500	30.000
10	Toluen	µg/Nm ³	NIOSH Method 1501	< 6,10	< 6,10	< 6,10	< 6,10	500
11	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/Nm ³	NIOSH Method 1500	< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	5.000
	Cyclohexane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	Cyclohexen	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	Methylcyclohexane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-hexane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-heptane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-octane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-pentane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-nonane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-decane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-dodecane	µg/Nm ³		< 100,0	< 100,0	< 100,0	< 100,0	-
	n-undecane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Không khí khu vực cách bồn 24, 200 m
- XQ02: Không khí khu vực cách bồn 20, 200 m
- XQ03: Không khí khu vực cách bồn 21, 200 m
- XQ04: Không khí khu vực cách bồn 25, 200 m
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (-): Không quy định/Không phân tích.
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012695.25
MSM: VT.25.5875.XQ05-08

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Tên khách hàng : XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG - KHO CÙ LAO TÀO
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh
Số lượng : 04 mẫu
Ngày lấy mẫu : 02/12/2025
Ngày trả kết quả : 13/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 05:2023/ BTNMT
				XQ05	XQ06	XQ07	XQ08	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	30,6	31,2	31,4	31,7	-
2	Độ ẩm	%		78,0	75,5	76,0	75,0	-
3	Tốc độ gió	m/s		0,6	0,7	0,4	0,4	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,9	65,3	68,1	67,2	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	128	114	107	113	300
6	Chì (Pb)	µg/Nm ³	US EPA Compendium Method IO-3.2	< 0,080	< 0,080	< 0,080	< 0,080	-
7	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	105,94	104,11	103,92	109,72	350
8	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	120,28	120,21	104,97	116,8	200
9	CO	µg/Nm ³	HD12-KK-CO	< 3.500	< 3.500	< 3.500	< 3.500	30.000
10	NH ₃	µg/Nm ³	TCVN 5293:1995	< 20,0	< 20,0	< 20,0	< 20,0	200
11	H ₂ S	µg/Nm ³	MASA Method 701	< 9,00	< 9,00	< 9,00	< 9,00	42
12	Toluen	µg/Nm ³	NIOSH Method 1501	< 6,10	< 6,10	< 6,10	< 6,10	500
13	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/Nm ³	NIOSH Method 1500	< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	5.000
	Cyclohexane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	Cyclohexen	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	Methylcyclohexane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-hexane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-heptane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-octane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-pentane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-nonane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-decane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-dodecane	µg/Nm ³		< 100,0	< 100,0	< 100,0	< 100,0	-
	n-undecane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ05: Điểm đầu hạ lưu cầu cảng
- XQ06: Điểm đầu thượng lưu cầu cảng
- XQ07: Điểm cách cầu cảng 50m đầu hướng gió
- XQ08: Điểm cách cầu cảng 50m cuối hướng gió
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (-): Không quy định/Không phân tích.
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc

Đinh Tấn Thu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vung Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012696.25
MSM: VT.25.5875.NT01-02

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG - KHO CÙ LAO TÀO
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 02/12/2025
Ngày trả kết quả : 13/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 29:2010/ BTNMT
				NT01	NT02	Cột B, Kho
1	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	7,31	7,26	5,5 ÷ 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	10	13	-
3	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	24	28	100
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	32	35	100
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	QT03-N-EC-TDS	470	452	-
6	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	< 0,0020	-
7	Tổng phenol ^(#)	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	< 0,0020	< 0,0020	-
8	Tổng dầu mỡ khoáng ^(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2,1	3,2	15
9	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	1,29	1,36	-
10	Tổng Nito ^(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	3,25	4,49	-
11	Tổng Photpho (tính theo P) ^(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,63	0,52	-
12	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	2,2 x 10 ³	2,7 x 10 ³	-
13	CO ₂ ^(*)	mg/L	SMEWW 2320B:2023	< 2	< 2	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu ra của bể lắng cát
- NT02: Nước thải đầu ra công trình xử lý nước thải của kho Cù Lao Tào
- QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
- (-): Không quy định/ Không phân tích;
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vững Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012697.25

MSM: VT.25.5875.SX01-04

Tên mẫu : Không khí môi trường lao động
Tên khách hàng : XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG - KHO CÙ LAO TÀO
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh
Số lượng : 04 mẫu
Ngày lấy mẫu : 02/12/2025
Ngày trả kết quả : 13/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 03:2019/BYT
				SX01	SX02	SX03	SX04	Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	30,7	30,9	31,0	30,7	18 ÷ 32 ^a
2	Độ ẩm	%	TCVN 5508:2009	76,2	77,5	75,8	76,0	40 ÷ 80 ^a
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508:2009	0,4	0,6	0,2	0,5	0,2 ÷ 1,5 ^a
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,0	72,3	71,6	73,8	85 ^b
5	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	1,32	1,38	1,03	1,62	8 ^c
6	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,36	0,64	0,66	0,67	10
7	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,21	0,32	0,52	0,41	10
8	CO	mg/m ³	HD12-KK-CO	5,14	5,48	5,01	6,86	40
9	Chì (Pb)	mg/m ³	US EPA Compendium Method IO-3.2	< 0,0008	< 0,0008	< 0,0008	< 0,0008	0,1 ^d
10	Toluen	mg/m ³	NIOSH Method 1501	0,57	0,75	0,14	0,81	300
11	THC	mg/m ³	NIOSH Method 1500	2,97	3,4	3,2	4,7	300 ^d

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- SX01: Không khí khu vực cổng vào kho xăng;
- SX02: Không khí khu vực trạm bơm công nghệ;
- SX03: Không khí khu vực bên trong khuôn viên;
- SX04: Không khí khu vực xuất xăng dầu;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- (d) QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động. Giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên



Đinh Tấn Thu



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012698.25
MSM: VT.25.5875.TT01-03

Tên mẫu : Trầm tích
Tên khách hàng : XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG - KHO CÙ LAO TÀO
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh
Số lượng : 03 mẫu
Ngày lấy mẫu : 02/12/2025
Ngày trả kết quả : 13/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 43:2017/ BTNMT
				TT01	TT02	TT03	Trầm tích nước mặn, nước lợ
1	Asen (As)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	2,64	3,0	3,76	41,6
2	pH	-	TCVN 5979:2007	6,14	6,32	6,51	-
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	0,16	0,11	0,11	4,2
4	Tổng Nito ^(*)	mg/kg	TCVN 6498:1999	72,1	74,3	80,7	-
5	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	11,5	19,8	13,3	112
6	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	21,9	15,9	19,5	271
7	Niken (Ni)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2023	< 0,10	< 0,10	< 0,10	-
8	Tổng Photpho ^(*)	mg/Kg	TCVN 6499:1999	7,1	6,8	6,9	-
9	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	US EPA Method 7471B	< 0,060	< 0,060	< 0,060	0,7
10	Sắt (Fe)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	86,8	82,3	63,6	-
11	Dầu khoáng ^(*)	mg/kg	US EPA Method 9071B	26,3	28,9	27,4	-
12	Phenol	mg/kg	US EPA Method 3540C + US EPA Method 3650B + US EPA Method 8041A	< 0,026	< 0,026	< 0,026	-
13	Cr ³⁺ ^(*)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010+ US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	< 0,15	< 0,15	< 0,15	-
14	Tổng coliform ^(*)	MPN/ 100g	TCVN 4882:2007	< 3	< 3	< 3	-
15	CO ₂	mg/kg	-	-	-	-	-
16	Sunfua	mg/kg	-	-	-	-	-
17	DO	-	-	-	-	-	-
18	TSS	mg/kg	-	-	-	-	-



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả;
- TT01: Mẫu bùn ở thượng lưu sông Dinh (Kho Cù Lao Tào) cách cầu cảng 200m cách bờ 10m
- TT02: Mẫu bùn ở hạ lưu sông Dinh (Kho Cù Lao Tào) cách cầu cảng 200m và cách bờ 10m
- TT03: Mẫu bùn ở trung lưu sông Dinh (Kho Cù Lao Tào)
- QCVN 43:2017/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích;
- (-): Không quy định/ Không phân tích
- (*): Thông số chưa được chứng nhận Vimcerts. Kết quả mang tính chất tham khảo;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc

Đinh Tấn Thu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



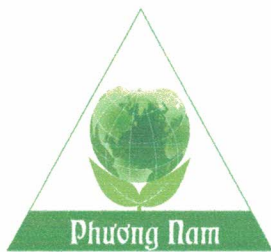
PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012812.25
MSM: VT.25.5916.NM01&04

Tên mẫu : Nước mặt
Tên khách hàng : XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG - KHO THẮNG NHẤT
Địa điểm lấy mẫu : 54B đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. HCM
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 03/12/2025
Ngày trả kết quả : 15/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 08:2023/ BTNMT	QCVN 10: 2023/ BTNMT
				NM01	NM04	Giá trị giới hạn - Mức C (Bảng 2)	Vùng biển ven bờ
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	28,6	28,6	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,23	7,28	6 ÷ 8,5	6,5 ÷ 8,5
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	7	5	10	-
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	12	16	20	-
5	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,2	5,2	≥ 4,0	≥ 5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	28	21	> 100 và Không có rác nổi	50
7	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023	1,03	0,97	2	-
8	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,14	0,19	0,5	-
9	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	< 0,00020	0,005	0,005
10	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	< 0,0020	0,02	0,05
11	Crom III (Cr ³⁺)(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,003	< 0,003	-	-
12	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,020	< 0,020	0,5	0,1
13	Ni	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	< 0,0020	0,1	-
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,00030	< 0,00030	0,001	0,0005
15	Fe	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,060	0,098	0,5	0,5
16	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	< 0,0010	< 0,0010	0,005	0,03
17	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	< 1,2	< 1,2	5	5
18	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	3,5 x 10 ²	4,6 x 10 ²	7.500	1.000
19	E.coli	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B&F:2023	14	17	20	-



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NM01: Nước mặt tại Cảng thượng lưu Sông Dinh (kho Thắng Nhất);
- NM04: Nước mặt tại Cảng Dầu (kho Thắng Nhất);
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- QCVN 10:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển;
- (-): Không quy định/Không phân tích;
- (*): Thông số chưa được chứng nhận Vimcerts. Kết quả mang tính chất tham khảo;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012813.25
MSM: VT.25.5916.NM02-03

Tên mẫu : Nước mặt
Tên khách hàng : XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG - KHO THẮNG NHẤT
Địa điểm lấy mẫu : 54B đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. HCM
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 03/12/2025
Ngày trả kết quả : 15/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 08:2023 /BTNMT	QCVN 10: 2023/ BTNMT
				NM02	NM03	Giá trị giới hạn - Mức C (Bảng 2)	Vùng biên ven bờ
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	28,7	28,7	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,11	7,19	6 ÷ 8,5	6,5 ÷ 8,5
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	6	8	10	-
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	12	13	20	-
5	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,4	5,0	≥ 4,0	≥ 5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	32	30	> 100 và Không có rác nổi	50
7	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023	0,98	0,83	2	-
8	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,16	0,18	0,5	-
9	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	< 0,00020	0,005	0,005
10	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	< 0,0020	0,02	0,05
11	Crom III (Cr ³⁺)(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,003	< 0,003	-	-
12	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,020	< 0,020	0,5	0,1
13	Ni	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	< 0,0020	0,1	-
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,00030	< 0,00030	0,001	0,0005
15	Fe	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,12	0,11	0,5	0,5
16	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	< 0,0010	< 0,0010	0,005	0,03
17	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	< 1,2	< 1,2	5	5
18	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	9,2 x 10 ²	5,4 x 10 ²	7.500	1.000
19	E.coli	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B&F:2023	17	14	20	-



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NM02: Nước mặt sông Dinh về phía thượng nguồn cách cầu cảng nhập 200m (kho Thăng Nhất);
- NM03: Nước nước mặt sông Dinh về phía hạ lưu cách cầu cảng nhập 200m (kho Thăng Nhất);
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- QCVN 10:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển;
- (-): Không quy định/Không phân tích;
- (*): Thông số chưa được chứng nhận Vimcerts. Kết quả mang tính chất tham khảo;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên



Giám đốc

Đinh Tấn Thu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



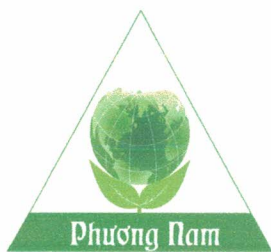
PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012814.25
MSM: VT.25.5916.XQ01-04

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Tên khách hàng : XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG - KHO THẮNG NHẤT
Địa điểm lấy mẫu : 54B đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. HCM
Số lượng : 04 mẫu
Ngày lấy mẫu : 03/12/2025
Ngày trả kết quả : 15/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 05:2023/ BTNMT
				XQ01	XQ02	XQ03	XQ04	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	30,6	30,3	31,0	30,8	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	79,0	77,2	75,0	77,3	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,5	0,6	0,4	0,7	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	69,0	66,2	66,6	68,2	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	113	107	114	114	300
6	Chì (Pb)	µg/Nm ³	US EPA Compendium Method IO-3.2	< 0,080	< 0,080	< 0,080	< 0,080	-
7	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	88,36	106,08	91,75	117,39	350
8	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	105,17	114,43	103,08	118,85	200
9	CO	µg/Nm ³	HD12-KK-CO	4.021	< 3.500	< 3.500	< 3.500	30.000
10	H ₂ S	µg/Nm ³	MASA Method 701	< 9,00	< 9,00	< 9,00	< 9,00	42
11	Toluen	µg/Nm ³	NIOSH Method 1501	< 6,10	< 6,10	< 6,10	< 6,10	500
12	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/Nm ³	NIOSH Method 1500	< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	5.000
	Cyclohexane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	Cyclohexen	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	Methylcyclohexane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-hexane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-heptane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-octane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-pentane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-nonane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-decane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-dodecane	µg/Nm ³		< 100,0	< 100,0	< 100,0	< 100,0	-
	n-undecane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Cổng ra vào kho;
- XQ02: Gần hàng rào chung cư cách kho 250m;
- XQ03: Gần hàng rào chung cư cách kho 300m;
- XQ04: Khuôn viên chung cư cách kho 450m;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (-): Không quy định/Không phân tích;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012815.25

MSM: VT.25.5916.XQ05-08

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Tên khách hàng : XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG - KHO THẮNG NHẤT
Địa điểm lấy mẫu : 54B đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. HCM
Số lượng : 04 mẫu
Ngày lấy mẫu : 03/12/2025
Ngày trả kết quả : 15/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 05:2023/ BTNMT
				XQ05	XQ06	XQ07	XQ08	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	30,6	30,7	31,2	31,5	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	79,0	78,8	75,5	74,7	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,6	0,9	0,4	0,8	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,4	67,0	68,0	68,0	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	100	87,2	121	113	300
6	Chì (Pb)	µg/Nm ³	US EPA Compendium Method IO-3.2	< 0,080	< 0,080	< 0,080	< 0,080	-
7	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	85,48	88,91	107,94	97,01	350
8	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	98,79	86,93	114,79	97,82	200
9	CO	µg/Nm ³	HD12-KK-CO	< 3.500	< 3.500	< 3.500	< 3.500	30.000
10	Toluen	µg/Nm ³	NIOSH Method 1501	< 6,10	< 6,10	< 6,10	< 6,10	500
11	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/Nm ³	NIOSH Method 1500	< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	5.000
	Cyclohexane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	Cyclohexen	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	Methylcyclohexane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-hexane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-heptane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-octane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-pentane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-nonane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-decane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-
	n-dodecane	µg/Nm ³		< 100,0	< 100,0	< 100,0	< 100,0	-
	n-undecane	µg/Nm ³		< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	-



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ05: Cổng vào cảng Thượng Lưu, X = 1149176; Y = 0428549;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (-): Không quy định/Không phân tích;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc

Đinh Tấn Thu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012816.25

MSM: VT.25.5916.NT01-02

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG - KHO THẮNG NHẤT
Địa điểm lấy mẫu : 54B đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. HCM
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 03/12/2025
Ngày trả kết quả : 15/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 29:2010/ BTNMT
				NT01	NT02	Cột B, Kho
1	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	7,25	7,36	5,5 ÷ 9
2	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,1	5,3	-
3	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	10	9	-
4	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	18	16	100
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	22	23	100
6	Asen (As) ^(#)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	< 0,00050	< 0,00050	-
7	Thủy ngân (Hg) ^(#)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,00030	< 0,00030	-
8	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	< 0,0020	-
9	Cadimi (Cd) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	< 0,00020	-
10	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(#)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,0030	< 0,0030	-
11	Cr ³⁺	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,003	< 0,003	-
12	Đồng (Cu) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,030	< 0,030	-
13	Kẽm (Zn) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,020	< 0,020	-
14	Niken (Ni) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	< 0,0020	-
15	Mangan (Mn) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,030	< 0,030	-
16	Sắt (Fe) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,060	< 0,060	-
17	Tổng phenol ^(#)	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	< 0,0020	< 0,0020	-
18	Tổng dầu mỡ khoáng ^(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,8	1,5	15
19	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ . B&D:2023	0,08	0,11	-
20	Tổng Nito ^(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	1,91	1,68	-
21	Tổng Photpho (tính theo P) ^(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,12	0,16	-
22	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	3,3 x 10 ²	4,7 x 10 ²	-
23	E. Coli ^(*)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B&F:2023	2	4	-



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu ra sau công trình xử lý nước thải của kho Thắng Nhất;
- NT02: Nước thải đầu ra của bể lắng cát, gạn dầu cục bộ ;
- QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
- (-): Không quy định/Không phân tích;
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas;
- ^(*): Thông số chưa được chứng nhận Vimcerts. Kết quả mang tính chất tham khảo;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012817.25
MSM: VT.25.5916.SX01-03

Tên mẫu : Không khí môi trường lao động
Tên khách hàng : XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG - KHO THẮNG NHẤT
Địa điểm lấy mẫu : 54B đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. HCM
Số lượng : 03 mẫu
Ngày lấy mẫu : 03/12/2025
Ngày trả kết quả : 15/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 03:2019/BYT
				SX01	SX02	SX03	Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	31,0	30,7	31,4	18 ÷ 32 ^a
2	Độ ẩm	%	TCVN 5508:2009	74,7	76,3	72,8	40 ÷ 80 ^a
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508:2009	0,6	0,9	0,7	0,2 ÷ 1,5 ^a
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	71,3	73,0	70,6	85 ^b
5	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	1,2	0,98	1,38	8 ^c
6	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,87	0,72	0,98	10
7	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,48	0,49	0,23	10
8	CO	mg/m ³	HD12-KK-CO	6,3	5,03	5,67	40
9	Hydro sulfide (H ₂ S)	mg/m ³	MASA Method 701	0,11	0,23	0,20	15
10	Chì (Pb)	mg/m ³	US EPA Compendium Method IO-3.2	< 0,0008	< 0,0008	< 0,0008	0,1 ^d
11	Toluen	mg/m ³	NIOSH Method 1501	0,23	0,58	0,72	300
12	THC	mg/m ³	NIOSH Method 1500	0,62	1,4	1,3	300 ^d

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- SX01: Khu vực trạm bơm công nghệ số 2;
- SX02: Khu vực bên trong kho;
- SX03: Khu vực xuất xăng dầu ô tô-xitec;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- (d) QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động. Giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc;
- (-): Không quy định/Không phân tích;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

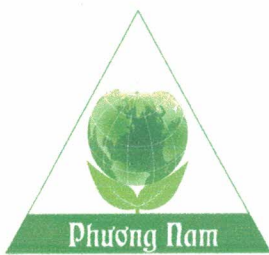
Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên



Giám đốc

Đinh Tấn Thu



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012818.25
MSM: VT.25.5916.TT01-03

Tên mẫu : Trầm tích
Tên khách hàng : XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG - KHO THẮNG NHẤT
Địa điểm lấy mẫu : 54B đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. HCM
Số lượng : 03 mẫu
Ngày lấy mẫu : 03/12/2025
Ngày trả kết quả : 15/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 43:2017/ BTNMT
				TT01	TT02	TT03	Trầm tích nước mặn, nước lợ
1	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	22,1	19,7	20,2	112
2	Dầu khoáng ^(*)	mg/kg	US EPA Method 9071B	34,6	32,9	30,1	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả;
- TT01: Mẫu bùn tại Cảng Dầu (sông Dinh);
- TT02: Mẫu bùn ở sông Dinh (Kho Thắng Nhất) thượng nguồn cách cầu cảng 200m cách bờ 10m;
- TT03: Mẫu bùn ở sông Dinh (Kho Thắng Nhất) hạ lưu cách cầu cảng 200m và cách bờ 10m;
- QCVN 43:2017/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích;
- (-): Không quy định/Không phân tích;
- (*): Thông số chưa được chứng nhận VIMcerts. Kết quả mang tính chất tham khảo;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc

Đinh Tấn Thu